

## KẾ HOẠCH

### TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN "ĐƯA VIỆT NAM SỚM TRỞ THÀNH NƯỚC MẠNH VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG" TẠI QUẢNG BÌNH

SỞ THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG  
CÔNG VĂN ĐEN  
Số: 802  
Ngày 03 tháng 6 năm 2011

#### I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Chỉ thị số 58/CT-TW ngày 17/10/2000 của Bộ Chính trị về "Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước";
- Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006; Luật Viễn thông ngày 23/11/2009; Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;
- Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 - 2015;
- Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án "Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông" của Thủ tướng Chính phủ;
- Kế hoạch 12-KH/TU ngày 26/10/2001 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình về "Tổ chức thực hiện Chỉ thị 58-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước;
- Chỉ thị số 03/2007/CT-UBND ngày 16/8/2007 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;
- Quyết định số 2636/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt "Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Bình" giai đoạn 2011-2015;



- Công văn số 1105/BTTTT-CNTT ngày 18/4/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn triển khai đề án "Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về CNTT-TT" tại địa phương.

## II. THỰC TRẠNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Trong hơn 10 năm thực hiện Chỉ thị 58-CT/TW ngày 27/10/2000 của Bộ Chính trị, Kế hoạch 12-KH/TU ngày 26/10/2001 của Tỉnh ủy Quảng Bình về "Tổ chức thực hiện Chỉ thị 58-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT-TT phục vụ công nghiệp hóa, điện đại hóa đất nước", CNTT-TT Quảng Bình đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ; CNTT được ứng dụng rộng rãi trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và toàn xã hội; các cơ quan, doanh nghiệp đã ứng dụng CNTT vào trong công việc; trang thông tin điện tử của Tỉnh được cập nhật đầy đủ thông tin và được Bộ TTTT xếp hạng nhất nhì toàn quốc vào các năm 2008, 2009, nhiều cơ quan, đơn vị đã có trang thông tin điện tử; phần mềm một của điện tử cấp huyện đã và đang được triển khai tại UBND các huyện và thành phố; phần mềm quản lý văn bản và điều hành tỉnh Quảng Bình đã được triển khai tại 09 đơn vị và đang tiến hành triển khai đồng loạt cho tất cả các sở, ban, ngành, địa phương; hệ thống giao ban trực tuyến đã phát huy tác dụng, đảm bảo hạ tầng để các cuộc họp của lãnh đạo Tỉnh với Chính phủ, các sở, ngành với các Bộ, ngành Trung ương được thực hiện thông suốt; hạ tầng CNTT được đầu tư nâng cấp, mạng TSLCD được triển khai tới tất cả các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố; Internet băng rộng được phát triển rộng khắp tới các trung tâm huyện, xã; hầu hết cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức CNTT đảm bảo khai thác máy tính và truy cập Internet, trong đó có khoảng 90% người được trang cấp hộp thư điện tử; máy vi tính, Internet đã về nông thôn, khoảng 10% người dân đã biết sử dụng máy tính, truy cập Internet để lấy thông tin, phục vụ cho công việc, cho sản xuất và trồng trọt,...

Tuy nhiên CNTT-TT vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đặt ra, ứng dụng CNTT còn manh mún, chưa có hệ thống, chưa chuyên nghiệp, phần lớn các hệ thống dùng chung chưa được triển khai nhiều, chưa có các cơ sở dữ liệu cấp tỉnh và cấp ngành; dịch vụ hành chính công chưa được triển khai nhiều, một số dịch vụ được triển khai mới ở mức 1,2, chưa tích hợp, chưa liên thông; hạ tầng CNTT chưa đáp ứng được yêu cầu của ứng dụng, thiết bị thiếu và có cấu hình lạc hậu; chưa tích hợp và thống nhất được hạ tầng dùng chung của các doanh nghiệp viễn thông, Internet; chưa thu hút và phát huy được nguồn nhân lực CNTT, đặc biệt là con em của Quảng Bình có trình độ tốt nghiệp đại học, cao đẳng CNTT,...

Sau đây là một số đánh giá, đề cập theo 6 lĩnh vực liên quan nhằm phục vụ việc xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án "Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông" tại Quảng Bình, cụ thể:

### **1. Nguồn nhân lực CNTT**

Nguồn nhân lực CNTT Quảng Bình nhìn chung còn thiếu về số lượng, chất lượng không cao, chưa có cơ chế chính sách để thu hút và sử dụng nguồn nhân lực một cách hợp lý. Trong khi đó, hàng năm có khoảng 300 - 500 con em Quảng Bình sau khi tốt nghiệp đại học, cao đẳng chuyên ngành CNTT không tìm được việc làm để phát huy khả năng chuyên môn tại địa phương, phải tìm kiếm cơ hội ở các thành phố lớn.

Trình độ, kiến thức về CNTT của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước mới chỉ ở mức độ sử dụng máy tính để soạn thảo văn bản, truy cập Internet để tìm kiếm thêm thông tin, chưa có kỹ năng cao, chưa chuyên nghiệp để ứng dụng CNTT có hiệu quả trong công việc, chưa sẵn sàng cho việc xây dựng Chính phủ điện tử, công sở điện tử. Hầu hết các cơ quan nhà nước chưa có đơn vị chuyên trách hoặc cán bộ chuyên trách CNTT.

Nhân lực CNTT trong các doanh nghiệp phần nào đã đáp ứng được yêu cầu đặt ra của đơn vị, nhưng chưa thực sự phát huy được hết hiệu quả mà CNTT mang lại; tỷ lệ người dân sử dụng máy vi tính, kết nối Internet còn thấp.

Tuy nhiên, nhìn chung tiềm năng về nguồn nhân lực CNTT Quảng Bình là khá dồi dào. *Thứ nhất* là nguồn nhân lực tại chỗ, bao gồm đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên trong cơ quan, doanh nghiệp và trong xã hội. *Thứ hai* là nguồn nhân lực được bổ sung mạnh mẽ từ lực lượng con em Quảng Bình đang học tập và công tác tại các tỉnh thành trong cả nước. Đây là yếu tố rất thuận lợi cho Quảng Bình phát triển công nghiệp CNTT, tiến tới xây dựng Chính phủ điện tử, xã hội điện tử.

### **2. Công nghiệp CNTT**

Nền công nghiệp CNTT Quảng Bình chưa hình thành rõ nét, chủ yếu là hoạt động cung cấp dịch vụ phần cứng và một số ít thực hiện các dịch vụ phần mềm, với các hình thức kinh doanh, mua bán nhỏ lẻ. Hiện có 07 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, chủ yếu thiết lập mạng lưới và kinh doanh dịch vụ BCVT; có khoảng 10 trung tâm CNTT thuộc các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước làm nhiệm vụ chuyên trách CNTT và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có nhu cầu dịch vụ CNTT; có khoảng 200 doanh nghiệp tư nhân kinh doanh mua bán phần cứng phần mềm CNTT và dịch vụ sửa chữa máy vi tính;

Nhìn chung các doanh nghiệp Quảng Bình chưa đầu tư tập trung vào lĩnh vực công nghiệp CNTT, nguyên nhân chủ yếu do: các doanh nghiệp trong tỉnh còn chưa tìm được hướng đi, chưa mạnh dạn đầu tư, ...chưa có cơ chế hỗ trợ của địa phương cho việc phát triển công nghiệp CNTT;

Trong thời gian tới, Quảng Bình cần phát huy tiềm năng lợi thế của mình, nhất là về nguồn nhân lực CNTT để hình thành và phát triển công nghiệp CNTT, đặc biệt là công nghiệp phần mềm, nội dung số góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế, xã hội của tỉnh nhà.

### **3. Hạ tầng viễn thông và CNTT**

Hạ tầng viễn thông, Internet băng rộng hiện được mở rộng đến hầu hết các xã, phường, thị trấn, khu đông dân cư, đảm bảo mạng lưới cung ứng dịch vụ đáp ứng cơ bản nhu cầu sử dụng của người dân và công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy Đảng, chính quyền. Trong thời gian tới, mạng lưới viễn thông, Internet băng rộng sẽ tiếp tục phát triển theo hướng hiện đại, đồng bộ, đồng đều giữa thành thị và nông thôn, miền xuôi và miền ngược, dịch vụ ngày càng phong phú, đa dạng, chất lượng ngày nâng cao, phục vụ tích cực cho sự phát triển kinh tế xã hội tỉnh nhà nói chung và cho cho sự nghiệp CNTT nói riêng.

Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước đến nay đã hoàn thành giai đoạn II. Hiện có 65 sở, ngành, địa phương cấp tỉnh đã được thiết lập kết nối, bước đầu đã triển khai ứng dụng có hiệu quả, như: giao ban trực tuyến với Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương tại điểm cầu Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Chi nhánh Viettel Quảng Bình; triển khai ứng dụng Phần mềm quản lý văn bản và điều hành tỉnh Quảng Bình; thiết lập mạng riêng ảo; kết nối Internet. Trong thời gian tới sẽ triển khai có hiệu quả mạng TSLCD với các hệ thống giao ban trực tuyến của tỉnh, các hệ thống CNTT chuyên dùng,..., giai đoạn III của dự kiến triển khai từ năm 2012, sẽ tiến hành kết nối đến tất cả các xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh.

Hệ thống các cơ sở dữ liệu cấp tỉnh, cấp ngành đã và đang từng bước được triển khai, xây dựng nhằm phục vụ cho phát triển Chính phủ điện tử của Quảng Bình, như: CSDL kinh tế - xã hội, thông tin địa lý, du lịch, tài chính, tài nguyên và môi trường,...

### **4. Phổ cập viễn thông, internet đến các hộ gia đình**

Trong những năm qua, Chương trình viễn thông công ích đã được triển khai, cung ứng, phổ cập các dịch vụ viễn thông, Internet cơ bản đến tất cả các vùng khó

khẩn trong toàn tỉnh. Nhờ vậy mà đến nay các hộ dân có hoàn cảnh khó khăn đã có máy điện thoại và đều có cơ hội sử dụng dịch vụ Internet tại các điểm công cộng.

Tuy nhiên, nhìn chung, người dân và các hộ gia đình mới chỉ dừng lại ở việc sử dụng điện thoại, còn việc sử dụng máy vi tính và truy cập Internet, tìm kiếm thông tin phục vụ sản xuất, kinh doanh, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống còn rất hạn chế; các điểm bưu điện văn hóa xã chưa phát huy hết tác dụng và hiệu quả; một số nơi thuộc các khu vực miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo... chưa có điểm thông tin cộng đồng phục vụ nhu cầu thông tin cơ bản cho người dân.

### **5. Ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và xã hội**

Trong những năm qua, các cấp ủy Đảng, chính quyền, các cấp các ngành đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào công tác quản lý điều hành bước đầu đã mang lại một số kết quả; các doanh nghiệp đã từng bước ứng dụng có hiệu quả CNTT vào quản lý, sản xuất và kinh doanh; CNTT, Internet đã đến nông thôn, vùng sâu, vùng xa, đáp ứng phần nào nhu cầu tra cứu thông tin của người dân.

Kết quả ứng dụng CNTT trong những năm gần đây cho thấy tầm quan trọng của CNTT trong công tác chỉ đạo, điều hành của bộ máy quản lý nhà nước, trong hoạt động các tổ chức chính trị, xã hội và trên mọi lĩnh vực đời sống, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị.

Tuy nhiên, ứng dụng CNTT, đặc biệt là ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước đến nay vẫn chưa đạt được mong muốn của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; chưa gắn kết ứng dụng CNTT với công cuộc cải cách hành chính; chưa phát huy lợi thế của CNTT để phục vụ tốt cho doanh nghiệp và người dân; chưa thực sự khai thác mạnh mẽ tiềm năng của CNTT trong nghiên cứu khoa học, giáo dục, đào tạo, nuôi trồng và canh tác...

Nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn ở trên là do: Trong điều kiện của một tỉnh nghèo, kinh phí đầu tư cho ứng dụng và phát triển CNTT trong 10 năm qua còn eo hẹp, chưa đồng bộ; cơ chế, chính sách cũng như mô hình tổ chức hoạt động của các đơn vị chuyên trách CNTT chưa được kiện toàn, đội ngũ cán bộ làm CNTT thiếu về số lượng và chất lượng chưa cao; tỉnh chưa có Ban chỉ đạo CNTT để thống nhất chỉ đạo phát triển và ứng dụng CNTT trên phạm vi toàn tỉnh...

### **6. Năng lực nghiên cứu trong lĩnh vực CNTT-TT**

Việc nghiên cứu và phát triển về CNTT được UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ quan tâm. Các sở, ngành, các tổ chức và cá nhân đã tham gia thực hiện nhiều đề tài về lĩnh vực CNTT và có nhiều sáng kiến đáng ghi nhận trong cuộc thi sáng tạo khoa học – kỹ thuật hàng năm của tỉnh.

Tuy nhiên, công tác nghiên cứu về lĩnh vực CNTT vẫn còn khá nhiều hạn chế: chưa có những sản phẩm mang tính đột phá, bước ngoặt quan trọng, chưa tạo ra được nhiều ứng dụng thiết thực cho thực tiễn; một bộ phận không nhỏ các cơ sở nghiên cứu, đào tạo và doanh nghiệp chưa tham gia tích cực, chưa phát huy hết tiềm năng, lợi thế sẵn có đưa lại những kết quả nghiên cứu có tính khả thi, hiệu quả kinh tế cao; ngân sách nhà nước phân bổ cho lĩnh vực này còn hạn hẹp trong khi các nguồn lực xã hội hóa còn rất khiêm tốn... do đó chưa khuyến khích triển khai nghiên cứu ứng dụng CNTT một cách rộng rãi trong toàn xã hội.

### **III. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu tổng quát**

Xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng CNTT-TT góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển, đảm bảo an ninh quốc phòng, phòng chống lụt bão, tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử, xã hội điện tử; hạ tầng viễn thông, Internet băng rộng hiện đại, đồng bộ trên phạm vi cả tỉnh; công nghiệp CNTT được hình thành và phát triển, đặc biệt là công nghiệp phần mềm, nội dung số và dịch vụ, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

Ứng dụng CNTT có hiệu quả trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; phát triển nguồn nhân lực CNTT đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc gia.

Phát triển CNTT-TT trở thành động lực quan trọng góp phần bảo đảm sự tăng trưởng và phát triển bền vững của tỉnh, nâng cao tính minh bạch trong các hoạt động của cơ quan nhà nước, tiết kiệm thời gian, chi phí cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

Phấn đấu hàng năm tốc độ tăng trưởng doanh thu ngành CNTT-TT đạt từ 2 - 3 lần tốc độ tăng trưởng GDP trở lên. Đến năm 2020, tỷ trọng CNTT-TT đóng góp vào GDP đạt từ 8 - 10% và Quảng Bình phải trở thành một tỉnh mạnh về CNTT-TT, nằm ở nhóm phát triển khá so với các tỉnh trong khu vực và cả nước.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

##### **a) Về nguồn nhân lực CNTT**

Đến năm 2015: Các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và các cơ sở dạy nghề trên địa bàn đào tạo và bổ sung thêm cho nguồn nhân lực CNTT khoảng

1.000 người; 90% cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước được đào tạo, nâng cao kiến thức về CNTT; trên 70% người lao động trong các doanh nghiệp và gần 30% số người dân sử dụng thành thạo máy vi tính và Internet; thu hút khoảng 1.500 cán bộ, sinh viên có trình độ cao về CNTT-TT làm việc trong các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, các trung tâm công nghiệp CNTT-TT.

Đến năm 2020: Các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và các cơ sở dạy nghề trên địa bàn đào tạo và bổ sung thêm cho nguồn nhân lực CNTT khoảng 2.500 người; 100% cán bộ, công chức, 90% người lao động trong các doanh nghiệp, 70% số người dân sử dụng thành thạo máy vi tính và Internet, sẵn sàng cho việc xây dựng Chính phủ điện tử; thu hút khoảng 3.000 cán bộ, sinh viên có trình độ cao về CNTT-TT làm việc trong các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, các trung tâm công nghiệp CNTT-TT trong tỉnh.

#### b) Về công nghiệp CNTT

Đến năm 2015: hình thành được khu công nghiệp CNTT của tỉnh, các vườn ươm doanh nghiệp CNTT, đặc biệt là công nghiệp phần mềm, nội dung số và lắp ráp điện tử. Quảng Bình nằm trong số các tỉnh khá về gia công phần mềm và cung cấp nội dung số. Hình thành được một số sản phẩm phần cứng, phần mềm, nội dung số mang thương hiệu Quảng Bình phục vụ thị trường trong tỉnh, trong nước và trên thế giới.

Đến năm 2020: công nghiệp CNTT phát triển, thu hút được nhiều tập đoàn CNTT mạnh vào đầu tư ở Quảng Bình. Công nghiệp CNTT, đặc biệt là công nghiệp phần mềm và dịch vụ trên nền CNTT trở thành một ngành công nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong các ngành kinh tế - kỹ thuật và chiếm tỷ trọng cao trong GDP.

#### c) Về hạ tầng viễn thông băng rộng

Đến năm 2015: mạng băng rộng đến trung tâm các xã, các khu đông dân cư trên toàn tỉnh; kết nối Internet đến tất cả các trường học, cơ sở y tế; phủ sóng thông tin di động băng rộng đến 95% dân cư.

Đến năm 2020: hoàn thiện mạng băng rộng đến tất cả trung tâm thôn, bản trên toàn tỉnh; phủ sóng thông tin di động băng rộng đến gần 100% dân cư.

#### d) Về phổ cập thông tin

Đến năm 2015: 30 - 50% số hộ gia đình trong cả tỉnh có máy tính và truy cập Internet băng rộng; trên 90% số hộ có máy thu hình, trong đó 40% xem được truyền hình số bằng các phương thức khác nhau.

Đến năm 2020: hầu hết các hộ gia đình trong cả tỉnh sử dụng các dịch vụ số; 50 - 70% số hộ gia đình có máy tính và truy cập Internet băng rộng; hầu hết các hộ gia đình có máy thu hình, trong đó 80% xem được truyền hình số bằng các phương thức khác nhau.

#### đ) Về ứng dụng CNTT

Đến năm 2015: 70% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử; hầu hết cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc; 50% các cuộc họp của UBND tỉnh với UBND các huyện được thực hiện trên môi trường mạng; 50% các CSDL cấp tỉnh, cấp ngành được xây dựng; Cổng thông tin điện tử của tỉnh được xây dựng và 100% các sở, ban, ngành, địa phương cấp tỉnh có cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo Điều 28 của Luật Công nghệ thông tin, cung cấp tất cả các dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và hầu hết các dịch vụ công cơ bản trực tuyến tối thiểu mức độ 3 tới người dân và doanh nghiệp.

Đến năm 2020: Quảng Bình đã hoàn thành xây dựng Chính phủ điện tử, thuộc loại khá trong cả nước. Hầu hết các dịch vụ công cơ bản được cung cấp trên mạng cho người dân và doanh nghiệp ở mức độ 4; 100% các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội đã hoàn thành việc xây dựng công sở điện tử

#### e) Về xây dựng doanh nghiệp và phát triển thị trường CNTT-TT

Hỗ trợ các doanh nghiệp CNTT-TT vừa và nhỏ, thúc đẩy hình thành một số doanh nghiệp CNTT-TT lớn, kinh doanh hiệu quả, năng lực cạnh tranh cao để cung cấp các dịch vụ CNTT-TT, các dịch vụ ứng dụng trên nền CNTT-TT đa dạng, phong phú cho thị trường CNTT-TT.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của các Trung tâm CNTT trong các cơ quan, đơn vị như Trung tâm CNTT-TT - Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm tin học và Thông tin KH-CN - Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm tin học - Văn phòng UBND tỉnh, Trung tâm CNTT - Văn phòng Tỉnh ủy... góp phần tạo ra các sản phẩm, dịch vụ phục vụ ứng dụng CNTT tại địa phương.

Khuyến khích, tạo động lực thúc đẩy cho việc sử dụng, khai thác, ứng dụng CNTT-TT đến mọi tầng lớp xã hội, mọi thành phần kinh tế, tạo nguồn cầu to lớn cho thị trường CNTT-TT.

### IV. NHIỆM VỤ

#### 1. Nhiệm vụ 1: Phát triển nguồn nhân lực CNTT



1.1. Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực CNTT đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 của tỉnh Quảng Bình theo Quyết định số 698/QĐ-TTg ngày 01/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

1.2. Xây dựng đề án thành lập đơn vị chuyên trách CNTT trong cơ quan nhà nước; cơ chế chính sách thu hút nhân tài CNTT về làm việc ở Quảng Bình, ưu đãi cho người làm việc trong môi trường CNTT, đặc biệt là trong cơ quan nhà nước theo Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/04/2007 của Chính phủ.

1.3. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước đủ năng lực xây dựng và triển khai Chính phủ điện tử tại Quảng Bình.

1.4. Tăng cường khả năng thông tin, dự báo và định hướng phát triển nguồn nhân lực CNTT Quảng Bình theo nhu cầu thị trường trong tỉnh, trong nước và quốc tế.

1.5. Đầu tư cơ sở vật chất, tạo cơ chế đặc thù để tăng quyền tự chủ cho một số cơ sở đào tạo, nghiên cứu trọng điểm về CNTT đạt trình độ quốc gia. Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao, các chuyên gia tư vấn, phân tích thiết kế, xây dựng và quản lý hệ thống CNTT.

1.6. Tăng cường đào tạo kỹ năng sử dụng CNTT trong xã hội, góp phần nâng cao dân trí. Mở rộng loại hình đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến trên cơ sở hạ tầng viễn thông băng rộng.

## **2. Nhiệm vụ 2: Phát triển công nghiệp CNTT**

2.1. Xây dựng và triển khai chương trình, kế hoạch phát triển công nghiệp phần mềm, nội dung số và phần cứng, điện tử theo các Quyết định số 51/2007/QĐ-TTg, số 56/2007/QĐ-TTg, số 50/2009/QĐ-TTg và số 75/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời chú trọng thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển ngành dịch vụ CNTT, dịch vụ trên nền CNTT.

2.2. Tăng cường đầu tư cho công nghiệp CNTT; đẩy mạnh thu hút đầu tư trong nước, nước ngoài, đầu tư của các tập đoàn vào lĩnh vực CNTT-TT, nhất là đầu tư xây dựng khu công nghiệp CNTT Quảng Bình.

2.3. Nâng cao năng lực hoạt động và sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp CNTT-TT của Việt Nam tại Quảng Bình; hỗ trợ các doanh nghiệp CNTT-TT địa phương quảng bá, xúc tiến thương mại, chiếm lĩnh thị trường trong tỉnh, trong nước, mở rộng thị trường ra nước ngoài.

2.4. Xây dựng khu CNTT tập trung, các vườn ươm doanh nghiệp và các trung tâm cung cấp dịch vụ CNTT cho thị trường trong tỉnh và trên cả nước. Nâng cao năng lực nghiên cứu sáng tạo, đào tạo nhân lực bậc cao có kỹ năng sử dụng CNTT trong các ngành công nghiệp.

### **3. Nhiệm vụ 3: Tiếp tục phát triển và hoàn thiện hạ tầng viễn thông và CNTT**

3.1. Hoàn thiện hạ tầng viễn thông băng rộng: Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các doanh nghiệp viễn thông xây dựng và mở rộng mạng băng rộng đến các xã, thôn trong cả tỉnh phục vụ nhu cầu sử dụng của người dân và công tác chỉ đạo, điều hành của Đảng và Nhà nước;

Tăng cường công tác quản lý và chỉ đạo các doanh nghiệp CNTT-TT phối hợp trong việc xã hội hóa và phát triển hạ tầng viễn thông, sử dụng chung cơ sở hạ tầng, ngầm hóa các tuyến cáp để bảo đảm chất lượng dịch vụ và mỹ quan đô thị, đặc biệt là dọc các tuyến đường, phố chính tại các trung tâm đô thị lớn;

Phát triển các điểm truy cập công cộng tại các địa điểm thích hợp với từng địa phương, cơ sở như: các trường học, nhà văn hóa xã, đồn biên phòng, điểm bưu điện - văn hóa xã và các trung tâm giáo dục cộng đồng,... để lắp đặt thiết bị nhằm thu hút và tạo điều kiện tốt nhất cho người dân có thể khai thác, sử dụng có hiệu quả các dịch vụ điện thoại cố định và truy cập Internet.

3.2. Tiếp tục hoàn thiện mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã, phường nhằm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và kết nối thông suốt phục vụ phát triển mọi dịch vụ theo yêu cầu;

Xây dựng trung tâm mạng của tỉnh, đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT của các cơ quan, đơn vị, thiết lập hệ thống các mạng trên nền mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước tạo thành mạng diện rộng của tỉnh.

3.3. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu cấp tỉnh, cấp ngành phục vụ phát triển Chính phủ điện tử tại Quảng Bình.

### **4. Nhiệm vụ 4: Xây dựng và triển khai các giải pháp hỗ trợ phù hợp để phổ cập thông tin đến các hộ gia đình**

4.1. Xây dựng, triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo theo Quyết định số 2331/QĐ-TTg ngày 20/12/2010 và Đề án phát triển thông tin, truyền thông nông thôn giai đoạn 2011-2020 theo Quyết định số 119/QĐ-TTg ngày 18/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

4.2. Nghiên cứu, phát triển và hỗ trợ các thiết bị thông tin số phục vụ khả năng tiếp cận thông tin cho người cao tuổi và người khuyết tật.

4.3. Tăng cường đầu tư, trang bị máy vi tính cho nông thôn; phối hợp, lồng ghép vào trong nhiều chương trình dự án.

### **5. Nhiệm vụ 5: Ứng dụng hiệu quả CNTT trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và xã hội**

5.1. Tiếp tục triển khai Quyết định số 2636/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của UBND tỉnh Quảng Bình về phê duyệt kế hoạch "Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2011-2015", Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 - 2015.

5.2. Triển khai ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước gắn với chương trình cải cách hành chính của tỉnh, bảo đảm việc chỉ đạo, điều hành thông suốt từ tỉnh đến các huyện, xã trong toàn tỉnh.

- Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật và an toàn thông tin phục vụ ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước, bao gồm phần cứng, phần mềm, các cơ sở dữ liệu, các giải pháp an toàn bảo mật, chú trọng đào tạo cán bộ công chức để sử dụng hiệu quả các thiết bị, hệ thống đã được đầu tư.

- Trên cơ sở đánh giá lựa chọn những mô hình ứng dụng CNTT điển hình của các sở, ngành, UBND các huyện đã đạt kết quả tốt, tiếp tục phổ biến mô hình thành công để triển khai nhân rộng trong cả tỉnh.

- Triển khai hệ thống quản lý văn bản tích hợp trong toàn tỉnh phục vụ việc chỉ đạo điều hành thông suốt từ tỉnh đến huyện, xã.

- Triển khai hệ thống dịch vụ hành chính công tại các sở, ngành, hệ thống một cửa liên thông cấp huyện, cấp xã.

- Xây dựng Cổng thông tin điện tử Quảng Bình, các cổng thông tin của các ngành, địa phương.

- Xây dựng công sở điện tử, hạ tầng CNTT phục vụ cải cách hành chính, xây dựng thành công chính quyền điện tử.

- Xây dựng, triển khai hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh, huyện để tổ chức các hội nghị, cuộc họp trực tuyến từ trung ương đến tỉnh và các huyện; thực hiện các giải pháp công nghệ kết nối trên môi trường mạng phục vụ cho các hội nghị, cuộc họp trực tuyến đến tận cấp xã.

5.3. Tiếp tục triển khai các chương trình, dự án và các cơ chế chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin kinh tế, ứng dụng CNTT để tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần đào tạo nguồn nhân lực và phát triển thị trường công nghiệp CNTT.

5.4. Tăng cường xây dựng, triển khai các chương trình, dự án hỗ trợ người dân sử dụng máy vi tính, truy nhập, khai thác Internet.

## **6. Nhiệm vụ 6: Tăng cường năng lực nghiên cứu trong lĩnh vực CNTT-TT, làm chủ và từng bước sáng tạo ra công nghệ cho chế tạo sản phẩm mới**

6.1. Nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển về CNTT của Trường đại học Quảng Bình, các cơ sở đào tạo trong ngành giáo dục, các Trung tâm, đơn vị chuyên trách CNTT thuộc các cơ quan, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân có năng lực nghiên cứu.

6.2. Tăng cường hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia vào các đề tài, dự án hoặc chuyển giao công nghệ nhằm tạo ra các sản phẩm, dịch vụ phục vụ cho ứng dụng và phát triển CNTT-TT của Quảng Bình.

## **V. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức.**

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các hội nghị, hội thảo để nâng cao nhận thức cho các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, hiệp hội và người dân về các mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ của Kế hoạch để thống nhất hành động;

Đồng thời nâng cao văn hóa khai thác và sử dụng CNTT từ gia đình đến nhà trường, xã hội nhằm hướng tới các ứng dụng lành mạnh, thiết thực, hiệu quả, góp phần hình thành xã hội văn minh, bảo đảm an toàn, an ninh cho mọi người sử dụng CNTT.

### **2. Tích cực xã hội hóa đầu tư cho CNTT-TT, đặc biệt là phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng.**

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia xây dựng, phát triển và khai thác hạ tầng viễn thông băng rộng, đa dạng hóa các dịch vụ CNTT-TT, đặc biệt là có những cơ chế về vốn, giải pháp công nghệ và mô hình kinh doanh để hấp dẫn các thành phần kinh tế tham gia cung cấp các dịch vụ CNTT-TT tới vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và các vùng khó khăn.

Đẩy mạnh tổ chức dùng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật giao thông, cung cấp năng lượng, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thoát nước và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác để ngầm hóa các mạng cáp thông tin, cáp truyền hình; tăng cường sự hợp tác giữa các doanh nghiệp viễn thông nhằm sử dụng chung một phần mạng lưới, công trình, thiết bị viễn thông, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả trong việc thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ CNTT-TT.

### **3. Xây dựng và hoàn thiện thể chế.**

Xây dựng và ban hành các văn bản pháp quy trong lĩnh vực CNTT-TT để phát huy nội lực, thúc đẩy cạnh tranh, tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế cùng tham gia đầu tư phát triển.

Xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhằm tổ chức quản lý thống nhất và nâng cao hiệu quả các dự án CNTT - TT.

### **4. Thực hiện các cơ chế đặc thù và chính sách đột phá:**

a) Chính sách về đầu tư: Lựa chọn, sắp xếp ưu tiên để tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, phát triển nguồn nhân lực CNTT-TT;

Tăng cường nguồn kinh phí cho đào tạo, nghiên cứu, xúc tiến thương mại, đầu tư và phát triển công nghiệp CNTT. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào quá trình phát triển ứng dụng CNTT trong đời sống xã hội, trong cơ quan nhà nước, cung cấp thông tin và dịch vụ trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp trên cơ sở hợp tác giữa Nhà nước và doanh nghiệp.

b) Chính sách về tài chính: Đa dạng hóa các nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động CNTT-TT, bao gồm: nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ nước ngoài, nguồn vốn doanh nghiệp, nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn khác.

c) Chính sách về đất đai, địa điểm: Thực hiện miễn, giảm tiền giao đất, tiền thuê sử dụng đất xây dựng hạ tầng viễn thông, CNTT nhất là tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; ưu tiên lựa chọn, bố trí đất sạch có vị trí và diện tích thuận lợi phù hợp với yêu cầu xây dựng khu CNTT tập trung nhằm thu hút mạnh mẽ đầu tư và nguồn nhân lực trình độ cao theo quy định của pháp luật.

**5. Tăng cường quan hệ, hợp tác với các tổ chức trong nước, quốc tế trong lĩnh vực CNTT-TT.**

Phối hợp trao đổi, đào tạo chuyên gia trong lĩnh vực công nghệ và quản lý CNTT-TT. Tham gia các dự án về CNTT-TT của khu vực, liên khu vực và quốc gia. Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà khoa học nước ngoài trong lĩnh vực CNTT-TT làm việc cho Quảng Bình.

Tranh thủ hợp tác khu vực và trong nước, quốc tế để huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước, nước ngoài, đặc biệt là nguồn vốn ODA, nhằm đẩy mạnh công tác ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước và phát triển công nghiệp CNTT, hạ tầng viễn thông tại các vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo.

## **VI. KINH PHÍ**

1. Ngân sách Trung ương hỗ trợ để triển khai các hệ thống lõi, hệ thống nền tảng của tất cả các nhiệm vụ của Kế hoạch nhằm tạo nền tảng, thống nhất và tạo đà cho địa phương tiếp tục triển khai, thực hiện đạt mục tiêu, hiệu quả đặt ra.

2. Ngân sách địa phương đối ứng tương xứng để tiếp tục thực hiện và phát triển các nhiệm vụ trên hệ thống lõi, hệ thống nền tảng; đảm bảo kinh phí duy trì hoạt động có hiệu quả các hệ thống.

3. Nguồn kinh phí của các doanh nghiệp đảm bảo hạ tầng viễn thông và Internet, hạ tầng CNTT phục vụ cho ứng dụng và phát triển CNTT; tham gia vào các chương trình dự án về công nghiệp CNTT.

4. Nguồn kinh phí hỗn hợp, được lồng ghép trong các chương trình, dự án khác; hệ thống CNTT được đầu tư, triển khai từ nhiều nguồn kinh phí, nhiều chương trình, dự án để đạt được mục tiêu, kết quả đặt ra.

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Thông tin và Truyền thông:**

Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì tham mưu giúp UBND tỉnh triển khai, thực hiện Kế hoạch và có trách nhiệm như sau:

a) Xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết, theo dõi, đôn đốc thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh. Định kỳ hàng năm, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tiến độ thực hiện và đề xuất các giải pháp kịp thời, cần thiết để bảo đảm việc thực hiện thành công Kế hoạch.

b) Căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội, tình hình phát triển của CNTT-TT, tham mưu, trình UBND tỉnh những nội dung cần cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch cho phù hợp.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành xây dựng các quy hoạch, kế hoạch và phát triển hạ tầng bưu chính, viễn thông, phát triển nguồn nhân lực CNTT, phát

triển công nghiệp CNTT... Hướng dẫn, hỗ trợ đồng thời kiểm tra, giám sát hoạt động ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước.

d) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp tham mưu cho UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Quảng Bình, các cơ sở đào tạo, dạy nghề tại địa phương chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành có liên quan thực hiện Nhiệm vụ 1 của Kế hoạch; xây dựng nội dung và đưa văn hóa khai thác, sử dụng CNTT lành mạnh vào trong chương trình giáo dục, đào tạo.

3. Sở Nội vụ phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện Nhiệm vụ 1 của Kế hoạch; lồng ghép chương trình cải cách hành chính với ứng dụng CNTT; ưu tiên bố trí kinh phí từ chương trình đào tạo cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để mở các lớp nâng cao kiến thức CNTT cho công chức, viên chức; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành liên quan xây dựng tiêu chuẩn năng lực ứng dụng CNTT theo chức danh và quy định về sử dụng máy tính, mạng thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức.

4. Sở Công thương phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện Nhiệm vụ 2 của Kế hoạch; xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển công nghiệp CNTT Quảng Bình đến năm 2020, chương trình thương mại điện tử, ưu tiên bố trí kinh phí từ chương trình xúc tiến thương mại quốc gia để hỗ trợ các doanh nghiệp CNTT-TT địa phương xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu trên thị trường trong nước và quốc tế; thúc đẩy việc ứng dụng CNTT trong các ngành công nghiệp và phát triển các ứng dụng mang tính liên ngành.

5. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện Nhiệm vụ 6 của Kế hoạch; ưu tiên bố trí kinh phí từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ để thực hiện các đề tài, dự án, các nhiệm vụ CNTT trong Kế hoạch; nghiên cứu, lựa chọn một số sản phẩm CNTT-TT để chuyển giao, triển khai tại Quảng Bình. Đồng thời đẩy mạnh việc thực thi các quy định bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực CNTT-TT.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông cân đối, tổng hợp tham mưu UBND tỉnh ưu tiên bố trí vốn để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư phát triển cho ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước, kinh phí từ chương trình xúc tiến đầu tư để thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp CNTT.

7. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình UBND tỉnh quyết định bố trí vốn sự nghiệp từ ngân sách tỉnh để triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch.

8. Các sở, ban, ngành, địa phương chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT-TT của cơ quan, địa phương mình phù hợp với các nội dung của Kế hoạch.

9. Các doanh nghiệp, hội, hiệp hội trong lĩnh vực CNTT-TT xây dựng kế hoạch, đề xuất các sáng kiến, chuẩn bị nguồn lực cho việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch, coi việc thực hiện Kế hoạch là một nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./

**Nơi nhận:**

- Bộ TT&TT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các doanh nghiệp BCVT, CNTT;
- Các liên hiệp hội, hội trong lĩnh vực CNTT-TT;
- Lưu: VT, NCVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng



## PHỤ LỤC

### DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 1102/KH-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2011  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

1. Kế hoạch "Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2011-2015" (theo Quyết định số 2636/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của UBND tỉnh);
2. Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo (theo Quyết định số 2331/QĐ-TTg ngày 20/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ);
3. Các chương trình, kế hoạch phát triển công nghiệp công nghệ thông tin giai đoạn 2011 - 2020 (theo các Quyết định số 51/2007/QĐ-TTg, số 56/2007/QĐ-TTg, số 50/2009/QĐ-TTg và số 75/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ);
4. Các chương trình, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin giai đoạn 2011 - 2020 (theo Quyết định số 698/QĐ-TTg ngày 01/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ);
5. Các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng (theo Quyết định số 119/QĐ-TTg ngày 18/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 05/4/2011 của Chính phủ);
6. Chương trình tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học, sáng tạo công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông.

